

Số: 1235/NĐĐT-KHVT

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 4 năm 2026

V/v đề nghị báo giá cung cấp vật tư, thiết bị Hệ thống nước lò, hệ thống nước cấp, hệ thống nước ngưng và hệ thống nước tuần hoàn (lần 2)

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang chuẩn bị triển khai công tác sửa chữa lớn các thiết bị năm 2027. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá các loại vật tư, thiết bị theo Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4 đính kèm (có thể báo giá một hoặc một số hoặc toàn bộ vật tư, thiết bị theo khả năng cung cấp của mình).

- Hồ sơ báo giá bao gồm:

+ Báo giá: do người đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá (kèm theo giấy ủy quyền, quyết định hoặc tài liệu tương đương khác).

+ Giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng được kinh doanh có điều kiện (nếu có).

+ Các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự với các hàng hóa báo giá (kèm theo các tài liệu chứng minh đã thực hiện hoàn thành hợp đồng).

- Yêu cầu đối với vật tư, thiết bị báo giá: cam kết vật tư, thiết bị là hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, có ký, mã hiệu, nhãn mác, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

- Địa điểm giao hàng: tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: khu Đông Sơn, phường Bình Khê, tỉnh Quảng Ninh).

- Hiệu lực của báo giá: 150 ngày kể từ ngày báo giá.


Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: khu Đông Sơn, phường Bình Khê, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266323; Fax: 0203.6266324; E-mail: [dongtrieu.dtk@gmail.com](mailto:dongtrieu.dtk@gmail.com)).

- Thời gian báo giá: chậm nhất đến 16 giờ 30 ngày 05/5/2026.

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Vũ Văn Mão**

## PHỤ LỤC 1: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ HỆ THỐNG NƯỚC LÒ

(Kèm theo Văn bản số 1235/NĐĐT-KHVT ngày 22/4/2026 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Vòng bi	Mã hiệu: 6205-2RS1 của nhà sản xuất SKF	Cái	6,0			
2	Phốt	Mã hiệu: 20x40x10 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	3,0			
3	Vòng bi	Mã hiệu: 6205-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
4	Vòng bi	Mã hiệu: 6206-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	1,0			
5	Vòng bi	Mã hiệu: 6203-2RS1 của nhà sản xuất SKF	Cái	6,0			
6	Thang đo mức kiểu phao từ tính có truyền tín hiệu từ xa	Mã hiệu: JZF - Chiều dài: 1,3m; Áp lực làm việc: 1,0 MPa; - Nguồn cấp : 24VDC - Tín hiệu đầu ra: 4-20mA của nhà sản xuất: Changzhou Xiaoyuan Machinery Co.Ltd (bao gồm mặt bích và van xả)	Bộ	1,0			
7	Cụm van điện	- Bộ truyền động van: Mã hiệu: SR230A-S; AC 100~240V; 7VA; 3W; IP54; 20Nm - Thân van: WOG1000; 1/2" SUS304 Của nhà sản xuất: BELIMO	Bộ	2,0			
8	Vòng bi	Mã hiệu: 6207 của nhà sản xuất SKF	Cái	6,0			
9	Vòng bi	Mã hiệu: 6201-2Z của nhà sản xuất SKF	Cái	3,0			
10	Vòng bi	Mã hiệu: RN 205M của nhà sản xuất NTN	Cái	6,0			
11	Phốt	Mã hiệu: 45x65x10 HMSA10 RG của nhà sản xuất SKF	Cái	3,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
12	Cánh khuấy (bao gồm động cơ)	Model: BLD10-9-1.1; 1,1kW 1.500v/p của nhà sản xuất Changzhou Jiangtai Speed-down Machinery Factory	Cái	1,0			
13	Bộ vật tư bảo dưỡng bơm	Mã hiệu: PNL-20A SS316, nhà sản xuất Milton Roy	Bộ	1,0			
14	Bộ vật tư bảo dưỡng bơm	Bộ vật tư bảo dưỡng KPDRABKAACC lắp cho bơm mã hiệu 880-S-E của nhà sản xuất Pulsafeeder.	Bộ	3,0			
15	Bơm định lượng (bao gồm động cơ)	Mã hiệu: 7660-S-E; 40L/h, 21MPa của nhà sản xuất Pulsafeeder.	Cái	1,0			
16	Bơm định lượng (bao gồm động cơ)	Mã hiệu: 880-S-E; 80L/h, 2MPa của nhà sản xuất Pulsafeeder.	Cái	1,0			
17	Bơm định lượng (bao gồm động cơ)	Mã hiệu: 880-S-E; 80L/h, 1,4MPa của nhà sản xuất Pulsafeeder.	Cái	1,0			
18	Bìa tạo gioăng	Mã hiệu: NA1122; độ dày 1mm của nhà sản xuất Teadit	m2	2,0			
19	Bìa tạo gioăng	Mã hiệu: NA1122; độ dày 2mm của nhà sản xuất Teadit	m2	2,0			
20	Bìa tạo gioăng	Vật liệu PTFE; độ dày 3mm	m2	2,0			
21	Phin lọc	Kiểu Y; DN20; PN16; CF8	Cái	7,0			
22	Gu zong	Thông số: M12x70; Vật liệu: SUS304 (bao gồm: 01 gu dong + 02 long đen + 02 ê cu)	Bộ	128,0			
23	Van một chiều	Loại: H21W-400P; 22MPa; DN15	Cái	3,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
24	Van một chiều	Loại: H21W-60P; 2MPa; DN15	Cái	5,0			
25	Van tay	Loại: J41W-25P; DN15; PN25; SUS304	Cái	6,0			
26	Van tay	Loại: J41W-25P; DN10; PN25; SUS304	Cái	3,0			
27	Gioăng thép xoắn	Thông số: 25x45x4.5; vật liệu: SUS304	Cái	18,0			
28	Van tay	Thông số: Van tay kết nối hàn đối đầu 1/2"; CF8; 1000 WOG	Cái	15,0			
29	Van an toàn	Mã hiệu: A21H-400P 20MPa; DN15 của nhà sản xuất NWPRO	Cái	3,0			
30	Van an toàn	Mã hiệu: A21H-60P; 1.6MPa; DN15 của nhà sản xuất NWPRO	Cái	5,0			
31	Van tay	Mã hiệu: SH-10NBW14/14-G; kết nối hàn; 413Bar; 38 độ C; DN10(3/8"); F316H của nhà sản xuất SHEIRC	Cái	7,0			
32	Que hàn	Mã hiệu: OK Tigrod 12.64 (quy cách :Ø2,4x1000mm) của nhà sản xuất ESAB	kg	5,0			
<b>Tổng</b>							
<b>Thuế GTGT 10%</b>							
<b>Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)</b>							
<b>Bằng chữ:</b>							

**Ghi chú:**

- (\*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.

- (\*\*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.

**PHỤ LỤC 2: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ HỆ THỐNG NƯỚC CẤP**

(Kèm theo Văn bản số 1235 /NĐĐT-KHVT ngày 22/4/2026 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Tết chèn	Chi tiết số 6 trên bản vẽ của van mã hiệu Z960Y-2000Lb+W36, DN 8" của nhà sản xuất Henan Kaifeng High Pressure Valve Co., Ltd	Cái	3,0			
2	Vòng Tetracyclic	Chi tiết số 7 trên bản vẽ của van mã hiệu Z960Y-2000Lb+W36, DN 8" của nhà sản xuất Henan Kaifeng High Pressure Valve Co., Ltd	Cái	3,0			
3	Tết chèn	Chi tiết số 9 trên bản vẽ của van mã hiệu Z960Y-2000Lb+W36, DN 8" của nhà sản xuất Henan Kaifeng High Pressure Valve Co., Ltd	Bộ	3,0			
4	Tết chèn	Chi tiết số 8 trên bản vẽ của van mã hiệu Z960Y-1500LbSPL+W36, DN 8" của nhà sản xuất Henan Kaifeng High Pressure Valve Co., Ltd	Cái	2,0			
5	Tấm chèn	Chi tiết số 6 trên bản vẽ của van mã hiệu Z960Y-1500LbSPL+W36, DN 8" của nhà sản xuất Henan Kaifeng High Pressure Valve Co., Ltd	Cái	2,0			
6	Vòng Tetracyclic	Chi tiết số 7 trên bản vẽ của van mã hiệu Z960Y-1500LbSPL+W36, DN 8" của nhà sản xuất Henan Kaifeng High Pressure Valve Co., Ltd	Cái	2,0			
7	Tết chèn	Chi tiết số 9 trên bản vẽ của van mã hiệu Z960Y-1500LbSPL+W36, DN 8" của nhà sản xuất Henan Kaifeng High Pressure Valve Co., Ltd	Bộ	2,0			
8	Tết chèn	Chi tiết số 13A trên bản vẽ X023-852354-001 của nhà sản xuất Velan	Cái	2.0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
9	Tết chèn	Chi tiết số 13B trên bản vẽ X023-852354-001 của nhà sản xuất Velan	Cái	5.0			
10	Gioăng thép	Chi tiết số 19 trên bản vẽ X023-852354-001 của nhà sản xuất Velan	Cái	1.0			
11	Vòng cách	Chi tiết số 20 trên bản vẽ X023-852354-001 của nhà sản xuất Velan	Cái	1.0			
12	Vòng đệm	Chi tiết số 21 trên bản vẽ X023-852354-001 của nhà sản xuất Velan	Cái	1.0			
13	Tết chèn	Mã hiệu: 6122538AA (chi tiết số 13 bản vẽ B02403) của nhà sản xuất CCI	Bộ	1,0			
14	Gioăng thép	Mã hiệu: 61118524AA (chi tiết số 9 bản vẽ B02403) của nhà sản xuất CCI	Cái	2,0			
15	Gioăng thép	Mã hiệu: 61122984AA (chi tiết số 10 bản vẽ B02403) của nhà sản xuất CCI	Cái	1,0			
16	Vòng chèn	Mã hiệu: 6131002AG (chi tiết số 8 bản vẽ B02403) của nhà sản xuất CCI	Cái	1,0			
17	Gioăng thép	Mã hiệu: 61113383AE của nhà sản xuất IMI CCI	Cái	3,0			
18	Gioăng thép	Mã hiệu: 61111583AE của nhà sản xuất IMI CCI	Cái	1,0			
19	Gioăng thép	Mã hiệu: 61115913AE của nhà sản xuất IMI CCI	Cái	2,0			
20	Gioăng thép	Mã hiệu: 61113933AE của nhà sản xuất IMI CCI	Cái	5,0			
21	Gioăng thép	Mã hiệu: 61122123AE của nhà sản xuất IMI CCI	Cái	1,0			
22	Gioăng thép	Mã hiệu: 61119993AE của nhà sản xuất IMI CCI	Cái	3,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
23	Gioăng graphite	Mã hiệu: FK5G32-03-15 (chi tiết số 79 trên bản vẽ YNMX-FK6G32A(M)) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu FK6G32A(M) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd)	Cái	3,0			
24	Bộ chèn cơ khí	Mã hiệu: L270/91 của nhà sản xuất Shanghai Lehe Fluid Machinery Co., Ltd	Bộ	6,0			
25	Bạc trượt	Mã hiệu: FK5G32-04-12 (chi tiết số 95 trên bản vẽ YNMX-FK6G32A(M)) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu FK6G32A(M) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd)	Bộ	6,0			
26	Bạc chặn	Mã hiệu: DG750-180-06-00 (8 miếng bạc trên 1 bộ; chi tiết số 51 trên bản vẽ YNMX-FK6G32A(M)) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu FK6G32A(M) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd)	Bộ	6,0			
27	Vành chắn dầu	Mã hiệu: DG750-180-04-06 (chi tiết số 96 trên bản vẽ YNMX-FK6G32A(M)) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu FK6G32A(M) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd)	Bộ	9,0			
28	Vành văng dầu	Mã hiệu: FK5G32-03-03 (chi tiết số 3 trên bản vẽ YNMX-FK6G32A(M)) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu FK6G32A(M) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd)	Cái	9,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Ltd)					
29	Gioăng chữ O	Thông số kỹ thuật: ID 196,44 ± 1,14mm; CS: 3,53 ± 0,11mm; vật liệu: FKM theo tiêu chuẩn BS1806-265	Cái	12,0			
30	Gioăng chữ O	Thông số kỹ thuật: ID 190,09 ± 1,14mm; CS: 3,53 ± 0,10mm; vật liệu: FKM theo tiêu chuẩn BS1806-264	Cái	12,0			
31	Gioăng chữ O	Thông số kỹ thuật: ID 85,09 ± 0,61mm; CS: 5,33 ± 0,13mm; vật liệu: FKM theo tiêu chuẩn BS1806-340	Cái	6,0			
32	Gioăng chữ O	Thông số kỹ thuật: ID 202,79 ± 1,14mm; CS: 3,53 ± 0,10mm; vật liệu: FKM theo tiêu chuẩn BS1806-266	Cái	6,0			
33	Gioăng thép	Mã hiệu: FK5G32-07-02 (kích thước: Ø630x587x4,5mm; chi tiết số 35 trên bản vẽ YNMX-FK6G32A(M)) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu FK6G32A(M) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd)	Cái	3,0			
34	Gioăng thép	Thông số kỹ thuật: kích thước Ø430x400x4,5mm (chi tiết số 18 trên bản vẽ YNMX-FK6G32A(M)) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu FK6G32A(M) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd )	Cái	3,0			
35	Gioăng thép có gờ	Mã hiệu: DG480-180-02-15 (kích thước: Ø524x492x3,8mm; chi tiết số 19 trên bản vẽ YNMX-FK6G32A(M)) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu FK6G32A(M) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd)	Cái	3,0			
36	Gioăng chữ O	Thông số kỹ thuật: ID 391±2,87mm; CS: 5,33 ± 0,13mm; vật	Cái	3,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		liệu: FKM theo tiêu chuẩn DIN3771					
37	Gioăng graphite	Mã hiệu: FK6G32A(M)-07(1)-01 (kích thước: Ø416x400x9,54mm; chi tiết số 87 trên bản vẽ YNMX-FK6G32A(M)) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu FK6G32A(M) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd)	Cái	3,0			
38	Gioăng chữ O	Thông số kỹ thuật: ID 240 ± 1,4mm; CS: 6,99 ± 0,15mm; vật liệu: FKM theo tiêu chuẩn BS1806-448	Cái	3,0			
39	Gioăng chữ O	Thông số kỹ thuật: ID 253 ± 1,4mm; CS: 6,99 ± 0,15mm; vật liệu: FKM theo tiêu chuẩn BS1806-449	Cái	3,0			
40	Đĩa lò xo	Mã hiệu: DG600-240-04-18 (chi tiết số 34 trên bản vẽ YNMX-FK6G32A(M)) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu FK6G32A(M) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co., Ltd)	Cái	3,0			
41	Gioăng thép	Thông số kỹ thuật: Ø265x308,5x4,5mm; Loại: Basic type; Vật liệu vòng thép: SS316L; Chất điền đầy: graphite	Cái	2,0			
42	Vòng bi	Mã hiệu: 2311 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
43	Bộ chèn cơ khí	Mã hiệu: L110/70 của nhà sản xuất Shanghai Lehe Fluid Machinery Co., Ltd	Bộ	4,0			
44	Bìa không amiang	Mã hiệu: Ferolite NAM-39 (kích thước: 1500x1500mm; độ dày: 1,5mm) của nhà sản xuất Ferolite	Tấm	1,0			
45	Bìa không amiang	Mã hiệu: Ferolite NAM-39 (kích thước: 1500x1500mm; độ dày: 1mm) của nhà sản xuất Ferolite	Tấm	1,5			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
46	Bìa không amiang	Mã hiệu: Ferolite NAM-39 (kích thước: 1500x1500mm; độ dày: 0,5mm) của nhà sản xuất Ferolite	Tấm	1,0			
47	Bìa không amiang	Mã hiệu: Ferolite NAM-39 (kích thước: 1500x1500mm; độ dày: 2,5mm) của nhà sản xuất Ferolite	Tấm	2,0			
48	Gioăng thép	Gioăng thép xoắn OD310xID255xTHK5	Cái	3,0			
49	Gioăng thép	Gioăng thép xoắn OD285xID220xTHK4,5	Cái	3,0			
50	Bơm tăng áp	Mã hiệu: QG500-80; Lưu lượng: 430 t/h; Hiệu suất: 81,36%, Cột áp : 84 m của nhà sản xuất Shanghai power equipment manufacture Co., Ltd	Bơm	1,0			
51	Dầu bôi trơn	Mã hiệu: Perfecto X32 của nhà sản xuất Castrol	Lít	4.389,0			
52	Phin lọc dầu	Mã hiệu: VSF50-G35 của nhà sản xuất Xinxiang Lefilter Company	Cái	6,0			
53	Vành chắn dầu	Mã hiệu: STM56-2 (quy cách: Ø160x26mm) của nhà sản xuất Shanghai Electric Machinery Co., Ltd	Cái	12,0			
54	Vòng bi	Mã hiệu: 6207-2Z/C3 của nhà sản xuất SKF	Cái	3,0			
55	Vòng bi	Mã hiệu: 6208-2Z/C3 của nhà sản xuất SKF	Cái	3,0			
56	Bộ chuyển đổi áp lực	Mã ký hiệu: EJA530E-JCS4N-014EL/HE/L4 Thông số kỹ thuật: - Cài đặt dải đo: 0 to 4 Mpa - Tín hiệu: 4-20 mA (HART protocol); có màn hình hiển thị tại chỗ. - Range: -0.1 to 10 MPa; Span: 0.1 to 10 Mpa - Độ chính xác: ±0.055% of Span; thời gian đáp ứng: 90 ms - Độ ổn định: ±0.1% of URL for 10 years	Cái	6,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		- Vật liệu màng (Diaphragm): Hastelloy C-276 - Kết nối: 1/2 NPT female - Nhà sản xuất: Yokogawa					
57	Bộ chuyển đổi áp lực	Mã ký hiệu: EJA530E-JDS4N-014EL/HE/L4 Thông số kỹ thuật: - Cài đặt dải đo: 0 to 30 Mpa - Tín hiệu: 4-20 mA (HART protocol); có màn hình hiển thị tại chỗ. - Range: -0.1 to 50 MPa; Span: 0.5 to 50 Mpa - Độ chính xác: $\pm 0.055\%$ of Span; thời gian đáp ứng: 90 ms - Độ ổn định: $\pm 0.1\%$ of URL for 10 years - Vật liệu màng (Diaphragm): Hastelloy C-276 - Kết nối: 1/2 NPT female - Nhà sản xuất: Yokogawa	Cái	3,0			
58	Bộ chuyển đổi lưu lượng	Mã ký hiệu: EJA110E-JHS5J-B14EM/HG/HE/L4 Thông số kỹ thuật: - Cài đặt dải đo: 0 to 248 kPa (hoặc theo thực tế sử dụng) - Tín hiệu: 4-20 mA (HART protocol); có màn hình hiển thị tại chỗ. - Range: -500 to 500 kPa; Span: 5 to 500 kPa; MWP: 25 MPa - Độ chính xác: $\pm 0.055\%$ of Span; thời gian đáp ứng: 90 ms - Độ ổn định: $\pm 0.1\%$ of URL for 10 years - Vật liệu màng (Diaphragm): Hastelloy C-276 - Kết nối: Cấp kéo theo van manifolds - Nhà sản xuất: Yokogawa	Cái	3,0			
59	Cảm biến tiệm cận	Mã hiệu: 330103-06-20-10-02-00 của nhà sản xuất Benley Nevada	Cái	12,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
60	Van tay	Loại: J61H-100 C; Nhiệt độ làm việc: 425oC; Vật liệu: thép Cacbon A105 DN50-PN10MPa; Kiểu kết nối: Hàn	Cái	3,0			
61	Van tay	Loại: J61H-160 C; Nhiệt độ làm việc: 425oC; Vật liệu: thép Cacbon A105 DN50-PN16MPa; Kiểu kết nối: Hàn	Cái	3,0			
62	Van tay	Loại: J61H-64C; Nhiệt độ làm việc: 425oC; Vật liệu: thép Cacbon A105, DN50, PN6,4MPa; Kiểu kết nối: Hàn	Cái	3,0			
63	Van tay	Loại: J61H-40C; Nhiệt độ làm việc: 425oC; Vật liệu: thép Cacbon A105, DN50, PN4,0MPa; Kiểu kết nối: Hàn	Cái	4,0			
64	Van tay	Loại: J61Y-320C; Nhiệt độ làm việc: 425oC; Vật liệu: thép Cacbon A105, DN25, PN32MPa; Kiểu kết nối: Hàn	Cái	6,0			
65	Van điều chỉnh khí nén	Mã hiệu: AB300-D10D (vật liệu: WC6; kiểu kết nối: B.W; class 2500; size: 4") của nhà sản xuất CCI	Cái	1,0			
66	Van một chiều	Loại: ZRS-C, DN 200/150, PS: 320 bar, TS: 200°C; Vật liệu: 1.6368 (15NiCuMoNb5) của nhà sản xuất KSB	Cái	3,0			
67	Van xả sự cố gia nhiệt số 8	Model: 840 H, Size: 6, Rating: 600 LBS, Kiểu kết nối: BW, Trim size: 3, Trim type: 2 Stage; Stroke: 70 mm; Cv: 70; Flow Direction: Over Flow; Flow Character: Linear của nhà sản xuất IMI CCI	Cái	1,0			
<b>Tổng</b>							
<b>Thuế GTGT 10%</b>							
<b>Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)</b>							
<b>Bằng chữ:</b>							

**Ghi chú:**

- (\*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.

- (\*\*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.

**PHỤ LỤC 3: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ HỆ THỐNG NƯỚC NGỪNG**

(Kèm theo Văn bản số 4235 /NĐĐT-KHVT ngày 22/4/2026 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Gioăng thép xoắn	Mã hiệu: 61111583AE chi tiết số 9 trên bản vẽ số: B02410 của nhà sản xuất CCI	Mét	3,0			
2	Gioăng thép xoắn	Mã hiệu: 61113383AE chi tiết số 10 trên bản vẽ số: B02410 của nhà sản xuất CCI	Mét	1,0			
3	Tết chèn	Mã hiệu: 6121628AF chi tiết số 13 trên bản vẽ số: B02410 của nhà sản xuất CCI	Bộ	1,0			
4	Gioăng thép xoắn	Mã hiệu: 61119993AE chi tiết số 9 trên bản vẽ số: B02411 của nhà sản xuất CCI	Bộ	2,0			
5	Gioăng thép xoắn	Mã hiệu: 61122123AE chi tiết số 10 trên bản vẽ số: B02411 của nhà sản xuất CCI	Cái	1,0			
6	Tết chèn	Mã hiệu: 6122538AF chi tiết số 13 trên bản vẽ số: B02411 của nhà sản xuất CCI	Cái	1,0			
7	Đế van	Mã hiệu: 431B0105AAR chi tiết số 3 trên bản vẽ số: B02411 của nhà sản xuất CCI	Cái	1,0			
8	Gioăng thép xoắn	Mã hiệu: 61111583AE chi tiết số 9 trên bản vẽ số: B02412 của nhà sản xuất CCI	Cái	3,0			
9	Gioăng thép xoắn	Mã hiệu: 61113383AE chi tiết số 10 trên bản vẽ số: B02412 của nhà sản xuất CCI	Cái	1,0			
10	Tết chèn	Mã hiệu: 6121628AF chi tiết số 13 trên bản vẽ số: B02412 của nhà sản xuất CCI	Cái	1,0			
11	Gioăng thép xoắn	Mã hiệu: 61111583AE chi tiết số 9 trên bản vẽ số: B02413 của nhà sản xuất CCI	Cái	3,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
12	Gioăng thép xoắn	Mã hiệu: 61115913AE chi tiết số 10 trên bản vẽ số: B02413 của nhà sản xuất CCI	Cái	1,0			
13	Tết chèn	Mã hiệu: 6122538AF chi tiết số 13 trên bản vẽ số: B02413 của nhà sản xuất CCI	Cái	1,0			
14	Đế van	Mã hiệu: 4319010101AAR chi tiết số 3 trên bản vẽ số: B02413 của nhà sản xuất CCI	Cái	1,0			
15	Vòng bi	Mã hiệu: 61936 MA của nhà sản xuất SKF	Kg	2,0			
16	Vòng bi	Mã hiệu: 29328E của nhà sản xuất SKF	Bộ	2,0			
17	Bộ chèn cơ khí	Mã hiệu: GEBMX-120 (chi tiết số 49 trên bản vẽ B550III-8-0000) của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu B550III-8 của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd)	Bộ	2,0			
18	Gioăng chỉ cao su	Thông số kỹ thuật: Ø1300x5,3mm; vật liệu: cao su (chi tiết số 98 trên bản vẽ B550III-8-0000) của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu B550III-8 của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd)	Bộ	2,0			
19	Gioăng chỉ cao su	Thông số kỹ thuật: Ø660x5,3mm; vật liệu cao su (chi tiết số 97 trên bản vẽ B550III-8-0000) của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu B550III-8 của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd)	Bộ	14,0			
20	Gioăng chỉ cao su	Thông số kỹ thuật: Ø455x3,55mm; vật liệu cao su (chi tiết số 96 trên bản vẽ B550III-8-0000) của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu	Bộ	4,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		B550III-8 của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd)					
21	Gioăng chỉ cao su	Thông số kỹ thuật: Ø420x3,55mm; vật liệu cao su (chi tiết số 95 trên bản vẽ B550III-8-0000) của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu B550III-8 của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd)	Thanh	2,0			
22	Gioăng chỉ cao su	Thông số kỹ thuật: Ø280x3,55mm; vật liệu cao su (chi tiết số 94 trên bản vẽ B550III-8-0000) của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu B550III-8 của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd)	Bộ	2,0			
23	Gioăng chỉ cao su	Thông số kỹ thuật: Ø275x3,55mm; vật liệu cao su (chi tiết số 93 trên bản vẽ B550III-8-0000) của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu B550III-8 của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd)	Cái	2,0			
24	Gioăng chỉ cao su	Thông số kỹ thuật: Ø230x3,55mm; vật liệu cao su (chi tiết số 92 trên bản vẽ B550III-8-0000) của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd (lắp đặt cho bơm ngưng mã hiệu B550III-8 của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd)	Bộ	2,0			
25	Gioăng chỉ cao su	Thông số kỹ thuật: Ø160x3,55mm; vật liệu: cao su (chi tiết số 91 trên bản vẽ B550III-8-0000) của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu B550III-8 của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump	Kg	2,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Works Co., Ltd)					
26	Gioăng chỉ cao su	Thông số kỹ thuật: Ø100x2,65mm; vật liệu cao su (chi tiết số 90 trên bản vẽ B550III-8-0000) của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd (lắp đặt cho bơm mã hiệu B550III-8 của nhà sản xuất Hunna Xemc Changsha Pump Works Co., Ltd)	Bộ	2,0			
27	Vòng bi	Mã hiệu: 71450-90045-Timken (bao gồm 2 vòng bi 71450, 1 ca ngoài 71751D, 1 vòng cách X3S-71450) của nhà sản xuất Timken	Cái	4,0			
28	Tết chèn	Mã hiệu: Thermoflon SL 6230/SL, Kích thước: 20x20 mm của nhà sản xuất Eagle Burgmann	Cái	10,0			
29	Gioăng tấm ptfe	Kích thước: 1200x1200mm, Độ dày: 3mm; Vật liệu: PTFE	Cái	2,0			
30	Sơn 2 thành phần	Mã hiệu: Jotun Hardtop AX Base 3 màu xanh green 7075_20L/bộ của nhà sản xuất Jotun	Cái	6,0			
31	Sơn Lót	Mã hiệu: Jotun Alkyd Prime QD Red - 20 L của nhà sản xuất Jotun	Cái	60,0			
32	Vòng bi	Mã hiệu: 7330 BCBM của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
33	Vòng bi	Mã hiệu: 6226 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
34	Vòng bi	Mã hiệu: 6201-2Z của nhà sản xuất SKF	Viên	4,0			
35	Vòng bi	Mã hiệu: 6322 của nhà sản xuất SKF	Bộ	2,0			
<b>Tổng</b>							

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
<b>Thuế GTGT 10%</b>							
<b>Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)</b>							
<b>Bằng chữ:</b>							

**Ghi chú:**

- (\*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.

- (\*\*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.

**PHỤ LỤC 4: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ HỆ THỐNG NƯỚC TUẦN HOÀN**

(Kèm theo Văn bản số 1235 /NĐĐT-KHVT ngày 22/4/2026 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Vòng bi	Mã hiệu: 6315/C3 của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
2	Vành chèn cơ khí	Mã hiệu: Cartex -SN/90-00/AQ1EMG của nhà sản xuất Eagle Burgman	Cái	4,0			
3	Phốt	Mã hiệu: 90x110x12 HMSA10RG của nhà sản xuất SKF	Cái	4,0			
4	Phốt	Mã hiệu: 75x110x12 của nhà sản xuất SKF	Cái	2,0			
5	Cao su tấm	Kích thước: 1.2m x 2.4m, Độ dày: 3mm; Vật liệu: NBR	Kg	40,0			
6	Sơn 2 thành phần	Mã hiệu: Jotun Hardtop AX Base 3 màu xanh green 7075_20L/bộ của nhà sản xuất Jotun	Bộ	1,0			
7	Sơn Lót	Mã hiệu: Jotun Alkyd Prime QD Red - 20 L của nhà sản xuất Jotun	Lít	40,0			
8	Sơn 2 thành phần	Mã hiệu: Hartop AX màu xanh dương Ral 5017 20L/Bộ của nhà sản xuất Jotun	Bộ	2,0			
9	Vòng bi	Mã hiệu: 6319/C3 của nhà sản xuất SKF hoặc loại khác tương đương	Cái	4,0			
10	Bo mạch hiển thị và điều khiển van	Mã hiệu: ME8.530.016 V2_3 của nhà sản xuất Chongqing Chuanyi Automation Co., Ltd	Cái	2,0			
11	Bo mạch role van	Mã hiệu: ME8.530.014 V2_0 của nhà sản xuất Chongqing Chuanyi Automation Co., Ltd	Cái	2,0			
12	Van bướm (điều khiển)	Thông số kỹ thuật: Loại: Butterfly valve; Body: D941X-10, DN 400, PN 10; Cơ cấu điều khiển: Điện (Điều khiển On/off); Kiểu	Cái	4,0			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	on/off)	kết nối: Mặt bích					
13	Van một chiều	Loại: H47T-10, DN 400, PN 10	Cái	2,0			
<b>Tổng</b>							
<b>Thuế GTGT 10%</b>							
<b>Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)</b>							
<b>Bằng chữ:</b>							

**Ghi chú:**

- (\*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.

- (\*\*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.